

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học: 2023- 2024 (đến 31/05/2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1004	335	247	191	231
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	937 93,32%	306 91,3%	238 96,4%	166 86,9%	227 98,3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 5,97%	23 6,9%	9 3,6%	24 12,6%	04 1,7%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	04 0,39%	03 0,9%	00	01 0,5%	00
4	Yếu /Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	03 0,32%	03 0,9%	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	1004	335	247	191	231
1	Giỏi /Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	363 36,1%	138 41,2%	81 32,8%	57 29,8%	87 37,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	339 33,76%	106 31,6%	85 34,4%	65 34%	83 35,9%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	242 24,1%	67 20%	63 25,5%	54 28,3%	58 25,1%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	60 6,04%	24 7,2%	18 7,3%	15 7,9%	03 1,3%
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1004	335	247	191	231
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	956 95,21%	316 94,3%	232 93,92%	177 92,6%	231 100%
	Học xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	105 10,45%	51 15,22%	36 14,57%	18 9,42%	00
a	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	252 25,09%	98 29,25%	42 17%	36 18,84%	76 32,9%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	89 38,5%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	47 4,68%	18 5,3%	15 6,07%	14 7,3%	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,09%	01 0,29%	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	19/55 1,8%/5,4%	4/23 1,2%/6,86%	8/14 3,2%/5,6%	6/12 3,1%/6,2%	1/6 0,43%/2,6%

5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	21	00	02	04	15
1	Cấp huyện	21	00	02	04	15
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	231	0	0	0	231
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	79 34,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	89 38,5%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	63 27,27%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	533/471	169/166	137/110	107/84	120/111
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	27	7	5	10	5

Bình Thạnh, ngày 31 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Đình Thảo